

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thú y; Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 06 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12 tháng 07 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 28 thủ tục hành chính (*Cấp tỉnh: 26 thủ tục; Cấp huyện: 01 thủ tục; Cấp xã: 01 thủ tục*) trong các lĩnh vực thủy sản, trồng trọt, thủy lợi và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (*có danh mục kèm theo*);

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03 tháng 11 năm 2016; Quyết định số 4441/QĐ-

BNN-BVTV ngày 31 tháng 10 năm 2017; Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 06 năm 2018; Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12 tháng 07 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế:

Lĩnh vực thủy lợi tại Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (04 thủ tục hành chính);

Lĩnh vực phát triển nông thôn tại Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung (03 thủ tục hành chính);

Thủ tục số 01 và 02 tại Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung thuộc lĩnh vực thú y (02 thủ tục hành chính).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /: *fl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP Trần Văn Đồng,
P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT. *13*

KT. CHỦ TỊCH *ms*
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Đức

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TIỀN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC THÚ Y (Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016)

1. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) - BNN-TGG-288090

a) Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;
- 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cccnty@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: 50.000 đồng/lần.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thú y năm 2015;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y;

- Thông tư số 44/2018/TT-BCT ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - BNN-TGG-288315

a) Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cccnty@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: 50.000 đồng/lần.

d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thú y năm 2015;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y;

- Thông tư số 44/2018/TT-BCT ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT (Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV ngày 31/10/2017)

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón - BNN-TGG-288212

a) Thời hạn giải quyết:

20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.ccbvtv@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: 3.000.000 đồng/01 cơ sở/lần

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón - BNN-TGG-288213

a) Thời hạn giải quyết:

- 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn;

- 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.ccbvtv@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón - BNN-TGG-288215

a) Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.ccbvtv@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: 500.000 đồng/01 cơ sở/lần.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón - BNN-TGG-288217

a) Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.bvtv@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: 200.000 đồng/01 cơ sở/lần.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

5. Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón - BNN-TGG-288219

a) Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo phân bón;

- 01 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp đăng ký hội thảo phân bón.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.bvtv@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo;

- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.

III. LĨNH VỰC THỦY LỢI (Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018)

1. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288337

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288338

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý - BNN-TGG-288339

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

4. Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới hạn phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý - BNN-TGG-288340

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

5. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288341

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

6. Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288342

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snmptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

7. Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288343

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snmptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

8. Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288344

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snmptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

9. Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh - BNN-TGG-288345

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snmptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

10. Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288346

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

11. Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288347

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

12. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288348

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

13. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288349

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

14. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288350

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

15. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288351

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

16. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nỗ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh - BNN-TGG-288352

a) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn cấp giấy phép: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.cctl@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018)

1. Công nhận làng nghề - BNN-TGG-288323

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.ccpntnt@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Công nhận nghề truyền thống - BNN-TGG-288324

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.ccptnt@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Công nhận làng nghề truyền thống - BNN-TGG-288325

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: snnptnt.ccptnt@tiengiang.gov.vn;

- Thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

LĨNH VỰC THỦY LỢI (Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018)

Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt) - BNN-TGG-288353

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Buu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

LĨNH VỰC THỦY LỢI (Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018)

Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) - BNN-TGG-288354

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

b) Địa điểm thực hiện:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Buu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

c) Phí, lệ phí: Không.

d) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.